

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017 và kế hoạch thực hiện năm 2018**

#### **Phần I**

#### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017**

##### **I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017**

Năm 2017, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển ổn định: Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt 70.319 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng ước đạt kế hoạch đề ra là 9,53%, trong đó khu vực I (nông, lâm, ngư nghiệp) đạt mức tăng trưởng 1,19% (kế hoạch 1,50%); khu vực II (công nghiệp, xây dựng) tăng trên 15,83% (kế hoạch 13,50%); khu vực III (thương mại, dịch vụ) tăng 6,96% (kế hoạch 8,0%).

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được tập trung chỉ đạo chặt chẽ, tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát, không xảy ra dịch trên diện rộng. Công nghiệp, xây dựng tiếp tục phát triển ổn định. Công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư được tập trung thực hiện. Các công trình trọng điểm và chương trình đột phá của tỉnh được quan tâm chỉ đạo. Các điểm đen, điểm nóng về ô nhiễm môi trường tiếp tục được giám sát chặt chẽ. Các hoạt động văn hóa, xã hội được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực.

##### **II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017**

###### **1. Bộ máy chỉ đạo, điều hành, thực hiện Chương trình**

Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và 15 đơn vị cấp huyện đã được thành lập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2017); toàn bộ các xã đã bố trí công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường phụ trách, theo dõi Chương trình xây dựng NTM. Nhìn chung VPĐP cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ NTM xã chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm nên không phát sinh tăng biên chế.

Do năm 2016 và năm 2017, Trung ương ban hành nhiều chủ trương, chính sách mới cho giai đoạn 2016-2020 và do sự thay đổi nhân sự sau bầu cử HĐND và Đại hội Đảng các cấp, nên Ban chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh đã tổ chức 14 lớp tập huấn, bồi dưỡng với 1.189 người dự, trong đó cấp tỉnh 84 người, cấp huyện và xã 1.105 người.

## **2. Ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình**

Năm 2017, tỉnh đã ban hành 17 văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình gồm có: 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 01 Chỉ thị của UBND tỉnh; 10 Quyết định của UBND tỉnh và 04 Công văn chỉ đạo của UBND tỉnh (*chi tiết xem tại Biểu số 01*).

So với giai đoạn 2011-2015, các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình ban hành trong năm 2017 đã có sự nâng cao hơn về chất lượng các tiêu chí, đưa Chương trình đi vào thực chất, đảm bảo chất lượng các tiêu chí, hạn chế tư tưởng chạy theo thành tích và tư tưởng ỷ lại vào ngân sách nhà nước, phát huy được tính tích cực, chủ động của cơ sở và vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM, khắc phục sự khác biệt về cùng một nội dung giữa tiêu chí NTM với tiêu chí văn hóa.

Nhìn chung các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình đã được tinh cụ thể hóa, ban hành đúng theo quy định của Trung ương và cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đáp ứng kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình của các cấp, các ngành trong tỉnh.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới**

Toàn bộ các xã đã lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng NTM, tuy nhiên để đảm bảo tính khả thi và phù hợp với các quy định về xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xã NTM, đến nay các địa phương đang triển khai công tác rà soát, chưa có địa phương nào thực hiện xong việc cập nhật, điều chỉnh lại các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành.

Về tình hình quy hoạch vùng huyện: Huyện Đức Hòa và Cần Giuộc đã phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện; thành phố Tân An đã phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng toàn bộ địa giới hành chính; huyện Bến Lức: 8 xã phía Nam và thị trấn Bến Lức đã duyệt đồ án quy hoạch chung, 6 xã phía Bắc đã thông qua đồ án quy hoạch chung tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và đang lấy ý kiến Bộ Xây dựng.

### **2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội**

**a) Hệ thống giao thông trên địa bàn ấp, xã:** Năm 2017, nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực giao thông nông thôn vẫn chiếm tỷ trọng lớn<sup>(1)</sup>. Ngoài ra, cùng với việc

---

<sup>(1)</sup> Đầu tư cho lĩnh vực giao thông nông thôn từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn hỗ trợ trực tiếp của hương trình và vốn lồng ghép) 603,5 tỷ đồng; vốn huy động từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư 133,8 tỷ đồng, .

tăng cường công tác tuyên truyền, vận động của các ngành, địa phương, nên phong trào làm đường giao thông nông thôn với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” tiếp tục phát triển sâu rộng; đã có hàng trăm hộ dân tự nguyện góp tiền, hiến đất, ngày công... để xây dựng mới, nâng cấp đường giao thông, nhất là các đường trục xã, trục ấp... Do đó, giao thông nông thôn trên địa bàn xã, ấp tiếp tục được đầu tư phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, tiết kiệm chi phí vận chuyển và thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Toàn tỉnh có 62 xã (chiếm 37,3%) đạt tiêu chí giao thông.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, giao thông nông thôn của tỉnh vẫn còn những khó khăn, bất cập như: Hầu hết các địa phương chưa có quy hoạch định hướng đồng bộ mạng lưới giao thông nông thôn, nên việc đầu tư đường giao thông nông thôn còn mang tính tự phát ở nhiều nơi; chất lượng mặt đường giao thông nông thôn chưa cao, mặt đường cấp phối còn chiếm tỷ lệ cao, dẫn đến cảnh quan môi trường nông thôn chưa thật sự xanh - sạch - đẹp; nhu cầu đầu tư cho giao thông nông thôn rất lớn (nhất là các xã thuộc vùng Đồng Tháp Mười), trong khi đó việc huy động nguồn lực còn nhiều hạn chế, nhất là nguồn ngân sách nhà nước.

#### **b) Hệ thống lưới điện nông thôn:**

- Trong năm 2017, ngành điện đã thực hiện đầu tư 37 công trình lưới điện phục vụ cấp điện khu vực nông thôn, gồm có: 88,2 km đường dây trung thế; 217 km đường dây hạ thế với tổng mức đầu tư khoảng 134 tỷ đồng. Ngoài ra, từ các nguồn vốn vay, ngành điện đã và đang triển khai thực hiện các dự án, như: Dự án Cải tạo, nâng cấp và phát triển lưới điện phục vụ chong đèn cho cây thanh long tỉnh Long An; Dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ thế khu vực nông thôn tỉnh Long An; Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Long An.

- Tổng số hộ có điện sử dụng 404.742 hộ, đạt 99,8%, trong đó số hộ đã có điện sử dụng khu vực nông thôn là 325.695 hộ, đạt 99,8%. Riêng tại thành phố Tân An và các huyện: Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc và Châu Thành số hộ có điện sử dụng đạt 100%. Toàn tỉnh đã có 153 xã đạt tiêu chí điện, chiếm 92,2%.

#### **c) Cơ sở vật chất trường học:**

Nhằm tăng cường cơ sở vật chất trường học, đáp ứng nhu cầu phát triển, tỉnh đã phê duyệt Chương trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2018-2020. Theo đó, năm 2017, ngành giáo dục và các địa phương đã thực hiện đầu tư xây dựng 202 phòng học và 261 phòng chức năng cho các trường mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia và đầu tư thiết bị dạy học (máy vi tính, thiết bị phòng ngoại ngữ, bàn ghế đúng quy cách, thiết bị giáo dục thể chất...) cho 13 trường mầm non, 18 trường tiểu học, 12 trường THCS đăng ký đạt chuẩn quốc gia. Ngoài ra, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác đầu tư trang bị máy vi tính cho 51 trường mầm non, 80 trường tiểu học, 20 trường THCS và 5 trường THPT trên địa bàn tỉnh; trang bị các thiết bị dạy học ngoại ngữ cho 32 trường tiểu học, 34 trường THCS và 16 trường THPT; trang bị thiết bị đồ chơi lớp học, thiết bị đồ chơi ngoài trời cho 36 trường mầm non thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi và đầu tư thiết bị nhà bếp, nhà ăn cho 07 trường tiểu học thuộc các xã khó khăn.

Bên cạnh đó, công tác xã hội hóa trong việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia cũng được quan tâm, chú trọng. Trong năm học 2016 - 2017, đã huy động xã hội hóa được trên 3.000 triệu đồng đầu tư sửa chữa phòng học, phòng chức năng, mua sắm thiết bị dạy học, sửa chữa, cải tạo sân đường, hệ thống thoát nước...

Từ những kết quả trên, đã góp phần quan trọng trong việc củng cố và phát triển cơ sở vật chất trường học, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh; toàn tỉnh hiện có 669 đơn vị trường học từ mầm non đến phổ thông (tăng 15 đơn vị so với cùng kỳ năm trước), trong đó có 274 trường học đạt chuẩn quốc gia (theo tiêu chí mới), đạt 40,96%<sup>(2)</sup>; có 86 xã đạt tiêu chí trường học, chiếm 51,8 %.

#### **d) Hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

Tỉnh đã điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thương mại của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 30/12/2016), nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của tỉnh. Theo đó, đến năm 2020 toàn tỉnh sẽ có 217 chợ (hiện tại có 135 chợ, quy hoạch xây dựng mới 82 chợ).

Trong năm 2017, đã thu hút nhà đầu tư xây dựng 01 chợ tại xã Long Cang, huyện Cần Đức bằng hình thức xã hội hóa (*dự kiến hoàn thành năm 2018*); hỗ trợ đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm thương mại tại thị xã Kiến Tường... Tính đến nay, toàn tỉnh có 135 chợ<sup>(3)</sup>; 05 siêu thị (02 siêu thị hạng II và 03 siêu thị hạng III) và 01 trung tâm thương mại diện tích 8.600 m<sup>2</sup>. Toàn tỉnh đã có 146 xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chiếm 88%.

#### **d) Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở:**

Toàn bộ các xã đều có đài truyền thanh, các ấp trang bị trạm loa, để phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở. Tuy các đài truyền thanh xã không đồng nhất với nhau về thiết bị nhưng vẫn đảm bảo hoạt động cùng với các trạm loa ấp.

Nhìn chung, hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở cơ bản đáp ứng được yêu cầu thông tin, tuyên truyền những chủ trương, chính sách pháp luật, sự kiện kinh tế - xã hội đến với người dân nông thôn. Toàn tỉnh đã có 162 xã đạt tiêu chí thông tin và truyền thông, chiếm 97,6%. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn các đài truyền thanh xã, trạm loa ấp đã cũ và thường xuyên hư hỏng; cán bộ phụ trách đài truyền thanh xã, trạm loa ấp hoạt động kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi... đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động thông tin truyền thông cơ sở.

**e) Cơ sở vật chất văn hóa:** Toàn tỉnh có 166/166 xã đã thành lập Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng, trong đó có 131 Trung tâm được đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp (chiếm 78,9%) đáp ứng yêu cầu phục vụ các nhiệm vụ chính trị và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, học tập cộng đồng tại cơ sở. Đối với Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp, hiện có 982/1.038 ấp, khu phố có Nhà văn hóa – Khu thể thao (chiếm 94,6%).

---

<sup>(2)</sup> Trong đó tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới theo từng cấp học cụ thể như sau: Mầm non đạt 27,23% (61/224 trường MN); Tiểu học đạt 45,42% (119/262 trường TH); THCS đạt 61,48% (83/135 trường THCS); THPT đạt 22,92% (11/48 trường THPT)

<sup>(3)</sup> Gồm có 28 chợ thành thị và 107 chợ nông thôn.

### **3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân**

#### **a) Kết quả thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp:**

Tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, với trọng tâm là Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Sau 02 năm (2016 - 2017) triển khai thực hiện, Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã đạt được một số kết quả khả quan: Đã xác định được 4 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh<sup>(4)</sup>, để làm cơ sở tập trung đầu tư; nhận thức của các ngành, các cấp quản lý và người sản xuất đã có chuyển biến tích cực; một số mô hình ứng dụng công nghệ cao đã, đang triển khai thực hiện bước đầu có kết quả khả quan, tạo sức lan tỏa và tham gia chủ động của người dân<sup>(5)</sup>; công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại được tăng cường<sup>(6)</sup>; việc giám sát, xác nhận chuỗi sản phẩm an toàn được thực hiện bước đầu có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy xuất nguồn gốc và nâng cao chất lượng nông sản hàng hóa sản xuất trên địa bàn tỉnh<sup>(7)</sup>.

#### **b) Đổi mới tổ chức sản xuất và thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị:**

- Toàn tỉnh hiện có 132 hợp tác xã (HTX) đang hoạt động ở các lĩnh vực: Nông nghiệp 106 HTX<sup>(8)</sup>, vận tải (17 HTX), tiểu thủ công nghiệp (4 HTX), xây dựng (3 HTX), môi trường (2 HTX) và 3 liên hiệp HTX<sup>(9)</sup> với 13 HTX thành viên.

Thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh đã ban hành và triển khai kế hoạch củng cố phát triển HTX, tổ hợp tác trong vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng NTM đến năm 2020<sup>(10)</sup>, đồng thời đã chọn 16 hợp tác xã tham gia Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình

---

<sup>(4)</sup> Gồm có: Vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao ở các huyện Đồng Tháp Mười, diện tích khoảng 20.000 ha); vùng sản xuất thanh long tại huyện Châu Thành, diện tích khoảng 2.000 ha; vùng sản xuất rau tại huyện Cần Đước, Cần Giuộc, Đức Hòa và Thành phố Tân An, diện tích 2.000 ha; vùng chăn nuôi bò thịt tại huyện Đức Hòa, Đức Huệ.

<sup>(5)</sup> Gồm có: Các mô hình sản xuất rau an toàn tại huyện Cần Giuộc, Cần Đước; mô hình sản xuất thanh long tại huyện Châu Thành.

<sup>(6)</sup> Trong năm, các ngành chức năng của tỉnh đã tổ chức Đoàn đến làm việc với Tổng Cty Thương mại Sài Gòn (Satra), Liên hiệp HTX Thương mại TP Hồ Chí Minh (Saigon Co.op), Cty TNHH một thành viên Việt Nam Kỹ nghệ súc sản (Vissan) đề nghị tạo điều kiện thuận lợi để các HTX, doanh nghiệp sản xuất hàng nông sản an toàn của tỉnh đưa hàng hóa vào hệ thống siêu thị; hỗ trợ cho 7 HTX, Cty tham gia Phiên chợ nông sản an toàn tại TP Hồ Chí Minh vào thứ bảy hàng tuần (đã thực hiện 34 đợt); tổ chức và tham gia 18 kỳ hội chợ triển lãm ở trong và ngoài tỉnh.

<sup>(7)</sup> Các ngành chức năng tiếp tục thực hiện giám sát các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh, gồm có: Chuỗi cung cấp rau an toàn của Hợp tác xã rau an toàn Phước Hòa (Cần Đước), Phước Hiệp (Cần Giuộc), Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh rau quả an toàn Tân Hiệp (Đức Hòa); chuỗi cung cấp gạo của Công ty Cổ phần Đầu tư – Nghiên cứu và Xuất khẩu gạo thom Ita-Rice (Đức Hòa); chuỗi cung cấp thịt gà của Công ty TNHH Ba Huân (Đức Hòa).

<sup>(8)</sup> So với năm 2016 tăng 11 HTX, 1 Liên hiệp HTX.

<sup>(9)</sup> Liên hiệp hợp tác xã Long An có 05 hợp tác xã thành viên, vốn điều lệ 200 triệu đồng; Liên hiệp hợp tác xã Cần Giuộc có 04 hợp tác xã thành viên, vốn điều lệ 500 triệu đồng; Liên hiệp hợp tác xã Tân Hưng có 04 thành viên HTX, vốn điều lệ 2 tỷ đồng.

<sup>(10)</sup> Đã tổ chức 14 lớp tuyên truyền bồi dưỡng kiến thức về kinh tế hợp tác cho cán bộ quản lý kinh tế tập thể cấp huyện, xã với khoảng 1.200 người tham dự; hỗ trợ thành lập mới 37 HTX, thành lập là 53 tổ hợp tác, củng cố hoạt động cho các HTX, tổ hợp tác tại các xã trong vùng quy hoạch sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

hợp tác xã kiểu mới; hỗ trợ, hướng dẫn các HTX xây dựng và triển khai thực hiện phương án sản xuất kinh doanh; tổ chức đào tạo tập huấn nghiệp vụ cho các HTX...

Nhìn chung, tổ chức bộ máy và hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mặc dù, thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, nhưng phần lớn các HTX vẫn hoạt động ổn định và hỗ trợ thiết thực cho các thành viên trong việc giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Ngoài ra, các HTX nông nghiệp còn làm nòng cốt trong việc triển khai thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất – tiêu thụ, xây dựng cánh đồng lớn...

Khó khăn chủ yếu đối với HTX là thiếu vốn để đầu tư cơ sở vật chất (nhà xưởng, kho, bãi, phương tiện vận chuyển...); năng lực quản lý, điều hành của Ban quản lý HTX còn nhiều hạn chế; tính tập thể trong HTX chưa được phát huy, sự đoàn kết, hợp tác giữa các thành viên với HTX chưa cao; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác còn nhiều bất cập, nhiều người dân vẫn còn tâm lý vào hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao chủ yếu để được nhà nước hỗ trợ. Do đó, hiệu quả hoạt động của HTX chưa cao, chưa thực sự khuyến khích các thành viên tham gia góp vốn vào HTX.

- Tỉnh đã ban hành hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản<sup>(11)</sup>. Năm 2017, đã thực hiện 100 lượt cánh đồng lớn với tổng diện tích 26.570 ha, trong đó: Vụ đông xuân có 16 doanh nghiệp và 8.141 hộ tham gia thực hiện cánh đồng lớn với diện tích 19.861 ha<sup>(12)</sup>, tăng 4.415 ha so với cùng kỳ; vụ hè thu có 13 doanh nghiệp và 2.809 hộ tham gia thực hiện cánh đồng lớn với diện tích 6.709 ha, giảm 13.152 ha so với cùng kỳ<sup>(13)</sup>.

Ngoài ra tỉnh còn hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ đối với cây chanh, bắp, thanh long,... bước đầu tạo nên các mối liên kết hợp tác sản xuất tạo ra hàng hóa lớn, giảm chi phí sản xuất cho lợi nhuận cao.

### **c) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn:**

Năm 2017, đã tổ chức 186 lớp đào tạo nghề cho 5.241 lao động nông thôn, trong đó: 135 lớp đào tạo nghề nông nghiệp với 3.828 học viên; 51 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp cho 1.413 học viên<sup>(14)</sup>. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 45,46%.

---

<sup>(11)</sup> Nghị quyết số 259/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của HĐND tỉnh về chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Long An (giai đoạn 2016 – 2020); Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Long An (giai đoạn 2016 – 2020); Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 8/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn giai đoạn 2016-2020; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 về việc ban hành tiêu chí cánh đồng lớn lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh Long An.

<sup>(12)</sup> Đã thu hoạch, năng suất 58,7 tạ/ha, sản lượng 117.878 tấn.

<sup>(13)</sup> Đã thu hoạch với diện tích 6.709 ha, năng suất ước đạt 55 tạ/ha, sản lượng 36.899 tấn.

<sup>(14)</sup> So với kế hoạch đạt 95,30 %.

Việc đào tạo nghề đã chú trọng gắn với việc làm sau đào tạo, gắn với doanh nghiệp, HTX, gắn với thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp và với phát triển nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh. Qua các lớp đào tạo nghề, lao động nông nghiệp được trang bị những kiến thức cần thiết ứng dụng vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất; lao động học nghề phi nông nghiệp được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc, giao hàng gia công tại hộ gia đình hay tự tạo việc làm, đã nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng NTM.

#### **4. Thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội**

Năm 2017, các ngành, địa phương tiếp tục tích cực hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thụ hưởng các chính sách ưu đãi từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, như:

- **Chính sách tín dụng:** Đã cho giải quyết cho 971.292 lượt hộ vay vốn tín dụng ưu đãi, với tổng số tiền 636,8 tỷ đồng<sup>(15)</sup>. Thông qua chính sách tín dụng đã hình thành mối liên kết giữa ngân hàng - các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác - đối tượng thụ hưởng; tạo ra mô hình quản lý phù hợp, hiệu quả cao, đưa nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến đối tượng thụ hưởng nhanh nhất; góp phần giúp hàng trăm hộ thoát nghèo, tạo việc làm cho hàng trăm lao động, xây dựng những công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường ở nông thôn...

- **Chính sách giáo dục nghề nghiệp:** Năm 2017, tuyển sinh đào tạo 21.450 lao động (688 cao đẳng, 2.327 trung cấp, 4.411 sơ cấp, 14.024 đào tạo nghề dưới 3 tháng), đạt tỷ lệ 102,93% so với kế hoạch, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh đạt 65,68%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 45,46%.

- **Chính sách hỗ trợ y tế:** Đến tháng 10/2017, toàn tỉnh đã cấp 85.143 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo và bảo trợ xã hội; 31.762 thẻ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo; 85.322 thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tại các xã biên giới, xã bãi ngang và hộ dân Việt Kiều Campuchia; 15.586 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo thoát nghèo không quá 5 năm.

Nhìn chung, phần lớn người nghèo, người cận nghèo thường mắc các bệnh hiểm nghèo, chi phí điều trị rất tốn kém. Do đó, các ngành, địa phương đã chủ động cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo ngay từ đầu năm 2017, tạo được sự đồng thuận trong nhân dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- **Hỗ trợ về nhà ở:** Toàn tỉnh đã xây dựng mới 357 căn nhà Đại đoàn kết, số tiền trên 13,6 tỷ đồng; sửa chữa 52 căn nhà Đại đoàn kết, số tiền trên 773 triệu đồng. Bên cạnh đó, các tổ chức đoàn thể còn vận động xây dựng và sửa chữa nhà Đại

---

<sup>(15)</sup> Hộ nghèo 55.623 lượt hộ, với số tiền 102,4 tỷ đồng; hộ cận nghèo 70.782 lượt hộ, với số tiền 123,2 tỷ đồng; hộ mới thoát nghèo 223.842 lượt hộ, với số tiền 39 tỷ đồng; giải quyết việc làm 29.002 lượt hộ, với số tiền 29,1 tỷ đồng; học sinh sinh viên 84.483 lượt hộ, với số tiền 115,7 tỷ đồng; nước sạch và vệ sinh môi trường 209.318 lượt hộ, với số tiền 128,9 tỷ đồng; hộ sản xuất vùng khó khăn 118.827 lượt hộ, với số tiền 89,1 tỷ đồng; thương nhân vùng khó khăn 3.816 lượt hộ, với số tiền 3,9 tỷ đồng; doanh nghiệp vừa và nhỏ 2.300 lượt hộ, với số tiền 2,3 tỷ đồng; hộ nghèo về nhà ở 173 lượt hộ, với số tiền 1,8 tỷ đồng; cho vay khác 299 lượt hộ, với số tiền 0,9 tỷ đồng.

đoàn kết và các hoạt động có ý nghĩa thiết thực, nhằm giúp đỡ người nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo.

## **5. Phát triển giáo dục ở nông thôn**

**a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi:** Toàn tỉnh có 191/192 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (đạt 99,48%). Tiếp tục giữ vững 15/15 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

### **b) Xóa mù chữ và chống tái mù chữ:**

- Tỷ lệ người trong độ tuổi 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 đạt 99,58%; mức độ 2 đạt 97,22%; tỷ lệ người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 đạt 91,32%.

- Toàn tỉnh có 192/192 đơn vị cấp xã đạt xóa mù chữ mức độ 1; 129/192 đơn vị cấp xã đạt xóa mù chữ mức độ 2 (đạt 67,19%); 15/15 đơn vị cấp huyện đạt xóa mù chữ mức độ 1 (đạt 100%); có 4/15 đơn vị cấp huyện đạt xóa mù chữ mức độ 2 (đạt 26,67%).

### **c) Phổ cập giáo dục tiểu học:**

- Tỉnh tiếp tục duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, cụ thể:

+ Đối với đơn vị cấp xã: Có 192/192 đơn vị đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1 (đạt 100%); 192/192 đơn vị đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2 (đạt 100%); 190/192 đơn vị đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (đạt 98,96%).

+ Đối với đơn vị cấp huyện: Có 15/15 đơn vị đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1 (đạt 100%); 15/15 đơn vị đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2 (đạt 100%); có 15/15 đơn vị đạt chuẩn tiểu học mức độ 3 (đạt 100%).

- Toàn tỉnh có 130.478 học sinh tiểu học đến trường (tăng 2.151 học sinh so với cùng kỳ, đạt 99,9% số học sinh đi học đúng độ tuổi), trong đó có 26.344 học sinh 6 tuổi ra lớp 1, đạt 100%.

- Tổng số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 96,84%. Các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học đạt 3,16%.

- Năm 2017, PCGD Tiểu học cấp tỉnh đạt chuẩn mức độ 3.

### **d) Phổ cập giáo dục trung học cơ sở:**

Toàn tỉnh tiếp tục duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, cụ thể:

- Đối với đơn vị cấp xã: Có 192/192 đơn vị đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1 (đạt 100%); 176/192 đơn vị đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2 (đạt 91,66%); có 80/192 đơn vị đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3 (đạt 41,66%).

- Đối với đơn vị cấp huyện: Có 15/15 đơn vị đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1 (đạt 100%); có 11/15 đơn vị đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2 (đạt 73,33%); có 1/15 đơn vị đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3 (đạt 6,66%).



- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 94,1%; Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt tỷ lệ 88%.

- Năm 2017, PCGD Trung học cơ sở cấp tỉnh đạt chuẩn mức độ 1.

## **6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn**

- Trong năm 2017 không ghi nhận trường hợp mắc cúm A H1N1/H5N1, không có dịch lớn xảy ra. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh có xu hướng gia tăng. Các bệnh có số ca mắc tăng so với cùng kỳ năm 2016 như: Zika, sốt xuất huyết, thủy đậu, quai bị, tay chân miệng; một số bệnh giảm so với cùng kỳ năm 2016 như: Sởi, liên cầu lợn, sốt rét; các bệnh khác có số ca mắc không đáng kể.

- Công tác kiểm tra chuyên ngành và liên ngành về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, xử lý kịp thời, đúng quy định các vi phạm; triển khai nhiều đề án nâng cao chất lượng khám chữa bệnh<sup>(16)</sup>; các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ngày càng hiệu quả<sup>(17)</sup>; Đã công nhận 127/192 xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỉnh đã phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế xã trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2017-2020, với tổng kinh phí 126 tỷ đồng đầu tư xây dựng và nâng cấp, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho 70 trạm y tế xã, đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí y tế đối với xã NTM.

## **7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn**

Năm 2017, toàn tỉnh có 117 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn văn hóa; 378.888 hộ được công nhận gia đình văn hóa, chiếm 95,5%; 1.014 ấp, khu dân cư được công nhận ấp, khu phố văn hóa, chiếm 98%; 907 ấp, khu dân cư không có người sinh con thứ 3 trở lên, chiếm 87,6%; 1.014 ấp, khu dân cư có xây dựng và thực hiện Quy ước văn hóa, chiếm 98%; công nhận 120 xã đạt tiêu chuẩn xã văn hóa.

Nhìn chung, cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của MTTQ các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp chính quyền. Việc thực hiện các nội dung của Cuộc vận động được gắn kết hài hòa, đồng bộ với các cuộc vận động, các phong trào, nhiệm vụ khác, nhất là xây dựng NTM ở cộng đồng dân cư, góp phần đã làm thay đổi nhận thức của người dân về xây dựng NTM.

---

<sup>(16)</sup> Đề án trạm y tế trong tình hình mới; Đề án dịch vụ Bệnh viện đa khoa Long An; Đề án bác sĩ gia đình; Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

<sup>(17)</sup> Tỷ số giới tính khi sinh là 106,53 trẻ sinh nam/100 trẻ sinh nữ. Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân là 6,73 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ được sĩ đại học/vạn dân là 1,33 được sĩ đại học/vạn dân; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ 100%.

## 8. Vệ sinh môi trường nông thôn

- Năm 2017, toàn tỉnh đã huy động 254,1 tỷ đồng để đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt cho người dân, trong đó vốn tín dụng chiếm 68,7%, vốn lồng ghép chiếm 19,6%, vốn hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình NTM chiếm 9,7%, vốn huy động cộng đồng và nhân dân góp chiếm 2%. Toàn tỉnh hiện có 1.507 công trình cấp nước nông thôn tập trung (trong đó: 59,7% số công trình do cộng đồng và UBND xã quản lý; 31,3% số công trình do hộ tư nhân quản lý; 8,6% số công trình do doanh nghiệp quản lý...). Đã cơ bản giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt ở nông thôn, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96,4%, nước sạch đạt 24,3%, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 82%. Nhìn chung, điều kiện vệ sinh nông thôn đang từng bước được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả khả quan, nhưng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh chưa bền vững (tỷ lệ này chỉ đánh giá được khả năng tiếp cận, chưa đánh giá về chất lượng và phương thức tiếp cận); tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch thấp hơn so với mức bình quân chung cả nước (hơn 45%); tình trạng thiếu nước sinh hoạt ở các xã vùng hạ của huyện Cần Đước, Cần Giuộc và các xã vùng sâu, vùng xa khu vực Đổng Thấp Mười vẫn còn nhiều thách thức; Hệ thống cấp nước ở nông thôn phần lớn còn mang tính nhỏ lẻ, thiếu bền vững.

- Các cấp hội phụ nữ tỉnh tiếp tục tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với Chương trình xây dựng NTM; gắn việc thực hiện các tiêu chí “5 không, 3 sạch” với các tiêu chí xã NTM, đặc biệt là chỉ tiêu xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn; xây dựng nhà tắm, nhà tiêu, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, hộ gia đình đảm bảo 3 sạch... Bên cạnh đó, các cấp Hội Phụ nữ đã chủ động tham gia xây dựng NTM bằng nhiều hoạt động thiết thực như: Tổ chức tập huấn; hỗ trợ xây dựng bếp ít khói<sup>(18)</sup>; vận động xây dựng 107 công trình<sup>(19)</sup>, trị giá trên 7 tỉ đồng; hỗ trợ nhiều mô hình cụ thể, thiết thực khác<sup>(20)</sup>... Do đó cuối năm 2017, toàn tỉnh có 163.375 hộ (chiếm 90,9% số hộ là hội viên) đạt tiêu chí “5 không 3 sạch”; tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh đạt 68,4%.

---

<sup>(18)</sup> Tổ chức 4 lớp tập huấn kiến thức về xây dựng NTM, về phòng chống các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh môi trường, 06 lớp tập huấn về phòng ngừa biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, 01 lớp tập huấn về xây dựng gia đình hạnh phúc, 04 lớp tập huấn về chính sách dân số; hỗ trợ 120 hộ nghèo, hộ khó khăn xây dựng bếp ít khói tại xã Hậu Thạnh Tây, Nhơn Hòa Lập- huyện Tân Thạnh và xã Thuận Bình, Tân Đông - huyện Thạnh Hóa.

<sup>(19)</sup> Các công trình như: Trồng cây xanh ven đường trước ngõ; nâng cấp tuyến đường liên xóm; bảo quản tuyến đường xanh, sạch, đẹp; thấp sáng đường giao thông nông thôn; hố rác gia đình; xóa điểm rác thành vườn hoa...

<sup>(20)</sup> Các mô hình như: Tuyến đường văn hóa; đường bê tông nông thôn; tuyến đường xanh, sạch; nhà sạch, vườn xanh, ngõ đẹp; thu gom rác khu dân cư; tổ phụ nữ góp vốn xoay vòng xây nhà vệ sinh; tổ phụ nữ thu gom xử lý rác hộ gia đình; hàng rào xanh...

**9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.**

- Tính đến tháng 10/2017, toàn tỉnh có 3.936 cán bộ, công chức cấp xã (gồm có: 1.951 cán bộ, 1.985 công chức<sup>(21)</sup>); toàn bộ các xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

Năm 2017, tỉnh tiếp tục tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ công chức xã<sup>(22)</sup>; nhiều cấp ủy đảng cơ sở đã chủ động xây dựng nghị quyết chuyên đề về công tác cán bộ để lãnh đạo thực hiện. Do đó, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng được kiện toàn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ được giao. Qua hoạt động thực tiễn đội ngũ cán bộ, công chức xã đã có bước trưởng thành nhanh về năng lực, tinh thần trách nhiệm, kỹ năng vận động quần chúng, từ đó góp phần củng cố, hoàn thiện hệ thống chính trị cơ sở, phục vụ nhân dân tốt hơn.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, còn nhiều khó khăn trong việc tuyển chọn, bố trí, chuẩn hóa đối với một số chức danh, như: Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc....

- Đến nay, toàn bộ 15 huyện, thị xã, thành phố và 166 xã trên địa bàn tỉnh đã triển khai phần mềm một cửa điện tử, kết nối với hệ thống một cửa điện tử của tỉnh để luân chuyển, giải quyết và cung cấp thông tin tra cứu hồ sơ qua môi trường mạng (điện thoại, tin nhắn SMS và Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh).

Tỉnh đã xây dựng và đưa vào vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến, với 100% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 2; cung cấp được 264 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (chiếm 15% số thủ tục hành chính của tỉnh) và 06 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (chiếm 0,4% số thủ tục hành chính của tỉnh); công bố thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính đối với 1.159 thủ tục hành chính (chiếm 67% số thủ tục hành chính của tỉnh). Kết quả, toàn tỉnh đã tiếp nhận, giải quyết qua mạng 262 hồ sơ (dưới 1% tổng số hồ sơ), hầu hết các dịch vụ này đều thuộc danh mục ưu tiên triển khai theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính 265 hồ sơ (tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh 246 hồ sơ; UBND cấp huyện 19 hồ sơ).

Nhìn chung, chất lượng dịch vụ công của tỉnh tiếp tục được cải thiện. Tuy nhiên, tại một số đơn vị, người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức; thiếu kiểm tra, đôn đốc; chưa chú trọng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin...nên đã phần nào ảnh hưởng đến chất lượng các dịch vụ công.

---

<sup>(21)</sup> Cán bộ xã đạt chuẩn về chuyên môn 1.674 người (chiếm 85,8%), chính trị 1.803 người (chiếm 92,41%); công chức đạt chuẩn về chuyên môn 1.961 người (chiếm 98,79%), tin học 1.728 người (chiếm 87,05%).

<sup>(22)</sup> Bồi dưỡng nghiệp vụ Tài chính - kế toán cho 166 người; kiến thức, kỹ năng hành chính, văn hóa công sở và đạo đức công vụ cho 262 người; kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ cho 155 người; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về xây dựng cho 138 người; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản cho 131 người.

- Thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tỉnh đã ban hành Quy định xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh). Căn cứ Quy định này, các địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện, kết quả đến tháng 12/2017 đã có 04 xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (xã An Lạc Long - huyện Châu Thành; xã Lạc Tấn và xã Mỹ Bình - huyện Tân Trụ; xã Thạnh Phước - huyện Thạnh Hóa).

### **10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn**

Tuyên truyền, vận động là biện pháp cơ bản, góp phần làm giảm tội phạm, giảm vi phạm pháp luật, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn. Năm 2017, Công an tỉnh đã kết hợp xây dựng “điểm” phong trào toàn dân bảo vệ an ninh gắn với 15 xã dự kiến phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2017 và tổ chức tuyên truyền cho 750 lượt cán bộ, lực lượng nòng cốt và nhân dân. Ngoài ra, công tác tuyên truyền, vận động về đảm bảo an ninh trật tự còn được thực hiện lồng ghép với các chương trình liên tịch với MTTQ tỉnh và các đoàn thể với 48.572 cuộc, 1.928.537 lượt người tham dự.

Qua tuyên truyền, vận động, quần chúng nhân dân đã cung cấp thông tin cho lực lượng công an 4.279 thông tin có giá trị, giúp công an các cấp làm rõ, xử lý 1.773 vụ, 2.468 đối tượng vi phạm; phối hợp hòa giải 2.651 vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân...Qua đó đã phát hiện, giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp ở cơ sở, không để hành thành điểm nóng về an ninh ở nông thôn.

## **III. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Nguồn lực cho xây dựng NTM tiếp tục tăng, chủ yếu là tăng từ nguồn vốn tín dụng; việc sử dụng nguồn vốn trong xây dựng NTM đang có xu hướng chuyển sang đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người dân (Vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh: 8.257,8 tỷ đồng, chiếm 79,6 % tổng vốn huy động năm 2017). Năm 2017, toàn tỉnh đã huy động được 10.378 tỷ đồng để thực hiện Chương trình, tăng 196,5 tỷ đồng so với năm 2016.

### **1. Vốn tín dụng**

Năm 2017, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đã cho vay xây dựng NTM 9.059 tỷ đồng, tăng 149 tỷ đồng so với năm 2016. Vốn tín dụng được tập trung đầu tư vào 4 lĩnh vực chủ yếu: Hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh 8.248,3 tỷ đồng; xây dựng nhà ở dân cư 634,5 tỷ đồng; đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt 174,4 tỷ đồng; xây dựng đường giao thông 1,7 tỷ đồng.

### **2. Vốn lồng ghép**

Vốn lồng ghép bao gồm vốn ngân sách nhà nước các cấp được thực hiện đầu tư trên địa bàn nông thôn. Năm 2017, đã huy động được 836,2 tỷ đồng, tăng 2,8 tỷ đồng so với năm 2016, gồm các lĩnh vực: Giao thông 395,5 tỷ đồng; trường học: 271,2 tỷ đồng; môi trường (nước sinh hoạt): 50 tỷ đồng; thủy lợi 46,3 tỷ đồng; trụ

sở xã 34,3 tỷ đồng; trạm y tế xã: 28,8 tỷ đồng; cơ sở vật chất văn hóa: 5,4 tỷ đồng; đài truyền thanh cấp xã: 4,3 tỷ đồng.

### **3. Vốn đầu tư trực tiếp của Chương trình**

Năm 2017, vốn đầu tư trực tiếp của Chương trình 320,8 tỷ đồng (tăng 26 tỷ đồng so với năm 2016), trong đó: Nguồn ngân sách Trung ương 220,8 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 100 tỷ đồng và được tập trung đầu tư vào các lĩnh vực sau: Giao thông 208 tỷ đồng; môi trường 24,6 tỷ đồng; cơ sở vật chất văn hóa 19,5 tỷ đồng; trường học 18,8 tỷ đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh 9,5 tỷ đồng; thủy lợi 9,4 tỷ đồng; hỗ trợ phổ cập giáo dục 8,4 tỷ đồng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn 8,2 tỷ đồng; truyền thông, tuyên truyền xây dựng NTM 6,7 tỷ đồng...

### **4. Vốn cộng đồng dân cư và nhân dân góp**

Toàn tỉnh đã huy động được 106,8 tỷ đồng<sup>(23)</sup> và được đầu tư vào 4 lĩnh vực: Giao thông 90,3 tỷ đồng; thủy lợi 7,5 tỷ đồng; môi trường (nước sạch) 5,1 tỷ đồng; cơ sở vật chất văn hóa 3,9 tỷ đồng.

Nhiều địa phương đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, cũng như việc quản lý, sử dụng công khai, minh bạch nên đã huy động được sự tham gia đóng góp tích cực của người dân và cộng đồng như: Châu Thành 21,6 tỷ đồng, Vĩnh Hưng 19,7 tỷ đồng, Đức Hòa 13 tỷ đồng, Tân Thạnh 8,8 tỷ đồng, Cần Giuộc 8 tỷ đồng, Thạnh Hóa 7,1 tỷ đồng, Đức Huệ 7 tỷ đồng, Cần Đước 6,6 tỷ đồng; Tân Hưng 5,7 tỷ đồng; Thủ Thừa 5,1 tỷ đồng; Tân Trụ 2,8 tỷ đồng...

### **5. Vốn doanh nghiệp**

Năm 2017, các doanh nghiệp đã tham gia đóng góp, hỗ trợ xây dựng NTM 55,1 tỷ đồng, giảm 26,9 tỷ đồng so với năm 2016. Các doanh nghiệp tham gia hỗ trợ chủ yếu trong lĩnh vực: Giao thông 43,5 tỷ đồng; trường học 6,3 tỷ đồng; nhà ở dân cư 3,9 tỷ đồng. Việc huy động vốn của các doanh nghiệp còn hạn chế, tập trung ở các huyện: Cần Giuộc 33,3 tỷ đồng; Đức Huệ 18,7 tỷ đồng; Tân Trụ 2,3 tỷ đồng.

*(Chi tiết xem tại Biểu số 02)*

## **IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NTM**

- Đến tháng 12/2017, toàn tỉnh có 59 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới<sup>(24)</sup>, chiếm 35,5% tổng số xã toàn tỉnh.

Dự kiến trong quý 1/2018, công nhận thêm khoảng 7 xã đạt chuẩn NTM năm 2017, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 66 xã (đạt tỷ lệ 39,7%). Hiện nay các xã này đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM.

- Số tiêu chí đạt bình quân/xã 14 tiêu chí/xã. Tiêu chí quy hoạch đã có 100% số xã đạt; các tiêu chí: Thủy lợi, điện, thông tin và truyền thông, lao động có việc làm, văn hóa, quốc phòng và an ninh đã có trên 90% số xã đạt. Tiêu chí có số xã

---

<sup>(23)</sup> Gồm có: Tiền mặt 60,6 tỷ đồng; đất 45,9 tỷ đồng; ngày công 0,3 tỷ đồng.

<sup>(24)</sup> Bến Lức 5 xã; Cần Đước 6 xã; Cần Giuộc 8 xã; Châu Thành 9 xã; Đức Hòa 8 xã; TX Kiến Tường 3 xã; TP Tân An 4 xã; Tân Hưng 2 xã; Tân Thạnh 3 xã; Tân Trụ 4 xã; Thạnh Hóa 1 xã; Thủ Thừa 4 xã; Vĩnh Hưng 2 xã.

đạt thấp nhất là môi trường và an toàn thực phẩm (27,1% số xã đạt); giao thông (37,3% số xã đạt) và tiêu chí tổ chức sản xuất (44,6% số xã đạt).

(Chi tiết xem tại Biểu số 03)

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Năm 2017, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn tiếp tục có những bước phát triển vượt bậc; sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển ổn định, trong đó tái cơ cấu ngành nông nghiệp đang đi đúng hướng; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng được đẩy mạnh; chất lượng giáo dục ngày càng tăng; công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tốt; hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp..., trong đó nổi bật là các chỉ tiêu sau:

- Bình quân số tiêu chí NTM đạt được trên 01 đơn vị xã 14 tiêu chí; không còn xã đạt dưới 7 tiêu chí. Số xã đạt chuẩn NTM ước 68 xã, chiếm 40,9% tổng số xã toàn tỉnh.

- Về huy động nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới: Toàn tỉnh đã huy động được khoảng 10.378 tỷ đồng để thực hiện Chương trình, tăng 196,5 tỷ đồng so với năm 2016. Việc sử dụng nguồn vốn trong xây dựng NTM đang có xu hướng chuyển sang đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người dân (vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh: 8.257,8 tỷ đồng, chiếm 79,6 % tổng vốn huy động năm 2017)...

- Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn tiếp tục được cải thiện: Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm còn 3,20 % (cuối năm 2016 là 3,57%), hộ cận nghèo giảm còn 3,70%<sup>(25)</sup>; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn ước đạt 39 triệu đồng/năm (năm 2016 là 31,2 triệu đồng/năm).

### **2. Một số hạn chế, tồn tại chủ yếu**

Bên cạnh những mặt đã đạt được, xây dựng NTM trong năm 2017 vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như:

- Về tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp ở nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi và điện phục vụ sản xuất; một số mô hình khi trình diễn cho hiệu quả nhưng khó nhân rộng, do chi phí đầu tư cao, người sản xuất khó đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định (nhà nước hỗ trợ 30%, người sản xuất đối ứng 70%); giá cả vật tư đầu vào tăng cao, giá tiêu thụ nông sản không ổn định; chất lượng, hiệu quả hoạt động của các HTX chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức lại sản xuất.

---

<sup>(25)</sup>Cuối năm 2017: Hộ nghèo 11.852 hộ, chiếm tỷ lệ 2,92%, (trong đó khu vực thành thị là 1.521 hộ, chiếm tỷ lệ 1,83%, nông thôn là 10.331 hộ, chiếm tỷ lệ 3,20%); hộ cận nghèo 14.987 hộ, chiếm tỷ lệ 3,70% ,(trong đó khu vực thành thị là 2.026 hộ, chiếm tỷ lệ 2,41%, nông thôn là 12.961 hộ, chiếm tỷ lệ 4,02%).

- Cảnh quan môi trường nông thôn chưa thật sự xanh - sạch - đẹp; tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn vẫn tiếp tục có xu hướng gia tăng ở một số nơi.
- Tiến độ rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã NTM còn chậm.
- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng NTM còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách.

### **3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

- Một số ngành, địa phương thiếu sự tập trung, thiếu quyết liệt trong việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra thực hiện các mục tiêu của Chương trình.
- Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng NTM chưa có chiều sâu: Tuyên truyền, vận động còn mang tính chất chung chung; việc xây dựng và nhân rộng mô hình có hiệu quả còn chậm.
- Nguồn vốn ngân sách đầu tư còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM; việc thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

---

Dự báo, năm 2018 tăng trưởng kinh tế của tỉnh tiếp tục được cải thiện, nhờ sự gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo, xây dựng, thương mại bán buôn và bán lẻ, ngân hàng và du lịch; môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, thúc đẩy đầu tư tư nhân; khu vực nông lâm thủy sản có triển vọng phát triển do đẩy mạnh thực hiện phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tái cơ cấu nông nghiệp.

Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng của các xã còn nhiều hạn chế so với yêu cầu phát triển; thiên tai, dịch bệnh trong nông nghiệp diễn biến khó lường; nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu rất lớn, nhưng nguồn lực còn hạn chế.

Trước tình hình trên cho thấy, bên cạnh những thuận lợi, xây dựng NTM năm 2018 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Điều này đòi hỏi các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân phải tiếp tục tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua các khó khăn, thách thức, huy động và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực để đạt mục tiêu Chương trình đề ra.

#### **I. CHỈ TIÊU XÂY DỰNG NTM NĂM 2018**

- Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới: phấn đấu 9 xã (do cấp huyện chọn).
- Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt trên 01 xã: 15,6 tiêu chí/xã.
- Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 63 xã.
- Số xã đạt dưới 10 tiêu chí. Không.

- Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM: 41 xã.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn: 0,3%.

- Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế: 80,9%

(Chi tiết xem theo Biểu số 04 và các phụ biểu 4.1, 4.2,...4.15)

## **II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng NTM**

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu trong xây dựng NTM. Xác định rõ xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, chỉ tiêu thi đua quan trọng của các cấp, các ngành và là tiêu chí quan trọng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và tổ chức các phong trào thi đua xây dựng NTM đến cơ sở và người dân; đẩy mạnh công tác truyền thông; thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng, để phổ biến và nhân rộng.

Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào thi đua “Long An chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2016-2020, các huyện, các xã chưa phát động thi đua phải hoàn thành việc phát động thi đua. Triển khai, phát động Phong trào thi đua “Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu” ở các xã đã đạt chuẩn.

Đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” và các phong trào thi đua của các đoàn thể.

Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình, cách làm có hiệu quả trong xây dựng NTM, xây dựng cảnh quan, môi trường nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp.

### **2. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân**

Đẩy mạnh phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, trọng tâm là thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu nông nghiệp; phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã và các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh thực hiện liên kết, hợp tác sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp với HTX, THT, xây dựng cánh đồng lớn; tăng cường xúc tiến thương mại, hỗ trợ tìm thị trường đầu ra cho nông sản để thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

Xây dựng và triển khai thực hiện “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm”.

### **3. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về xây dựng NTM**

- Triển khai hỗ trợ vật tư (xi măng) cho cộng đồng dân cư thực hiện xây dựng công trình theo cơ chế đặc thù trong xây dựng NTM quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ.



- Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ cộng đồng thu gom, xử lý rác thải từ sinh hoạt, sản xuất và rác, cỏ, lục bình ở lòng kênh.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; xây dựng định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, nội dung, hình thức thi đua, khen thưởng Phong trào thi đua “Long An chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2016-2020.

#### **4. Tăng cường huy động nguồn vốn để thực hiện Chương trình**

- Phân bổ kịp thời, đúng quy định và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, vốn ngân sách tỉnh cho xây dựng NTM.

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; nguồn vốn ngân sách các cấp; nguồn vốn của các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn... để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Huy động các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân cho từng dự án, nội dung cụ thể, do hội đồng nhân dân xã thông qua, đảm bảo tỷ lệ đóng góp theo đúng quy định tại Quyết định số 4136/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh.

- Huy động nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất, dịch vụ, đời sống.

- Đẩy mạnh vận động đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân

#### **5. Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình**

- Ban chỉ đạo nông thôn mới ở mỗi cấp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên (nêu rõ nội dung công việc, tiêu chí, địa bàn phụ trách).

- Các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng NTM các cấp tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng NTM và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện của địa bàn được phân công và về tiêu chí được giao phụ trách.

- UBND các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến năm 2020, chỉ đạo của UBND tỉnh (Công văn số 5655/UBND-TH ngày 14/12/2017) về việc triển khai thực hiện Thông báo số 12-TB/TU ngày 30/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng NTM và áp, khu phố, xã văn hóa.

### **III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Tổng nguồn lực thực hiện Chương trình**

Năm 2018, tổng các nguồn lực thực hiện Chương trình dự kiến khoảng 11.169,4 tỷ đồng và tập trung phân bổ cho các lĩnh vực sau: Hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh 80,7%; nhà ở dân cư 6,9%; giao thông 5,4%; trường học 2,6%;

môi trường (nước sạch) 2,6%; thủy lợi 0,6%; xây dựng trụ sở xã 0,4%; xây dựng trạm y tế xã 0,3%; cơ sở vật chất văn hóa 0,2%...

## **2. Cơ cấu nguồn lực**

- Vốn đầu tư trực tiếp của Chương trình: 243,7 tỷ đồng, gồm có:
  - + Ngân sách Trung ương: 143,7 tỷ đồng (Vốn ĐTPT 103,1 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 40,6 tỷ đồng).
  - + Ngân sách tỉnh: 100 tỷ đồng (Vốn xổ số kiến thiết).
- Vốn lồng ghép: 871 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp: 15,5 tỷ đồng.
- Vốn cộng đồng và nhân dân góp: 189,1 tỷ đồng.
- Vốn tín dụng: 9.850 tỷ đồng.

*(Chi tiết xem Biểu số 05)*

## **IV. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của các Sở, ngành tỉnh**

#### **a) Sở Nông nghiệp và PTNT (Cơ quan chủ trì Chương trình tỉnh):**

- Tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình theo quy định; định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình, việc sử dụng nguồn vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp và các nguồn vốn huy động khác để thực hiện Chương trình.

- Tham mưu phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và ban ngành, đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện Chương trình, theo nguyên tắc “tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở”.

- Rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng NTM các huyện, thị xã, thành phố, để phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới chung của tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung trên địa bàn tỉnh theo hướng liên kết chuỗi giá trị, phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực Chương trình xây dựng NTM; tham mưu xây dựng, điều chỉnh các cơ chế, chính sách về xây dựng NTM.

#### **b) Các sở, ngành được phân công phụ trách nội dung thành phần thuộc Chương trình:**

- Lồng ghép các chương trình mục tiêu, dự án của ngành với Chương trình.

- Phối hợp hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

## **2. Trách nhiệm của UBND huyện, thị xã, thành phố**

- Hoàn thành việc phát động và tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Long An chung sức xây dựng NTM”.

- Tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng NTM năm 2018 được UBND tỉnh giao.

- Chỉ đạo các xã rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xã NTM cấp xã phù hợp. Tổ chức thực hiện phát triển sản xuất, nhất là đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, tăng thu nhập cho người dân.

- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện (giao thông, thủy lợi, điện...) đảm bảo kết nối đồng bộ với kết cấu hạ tầng của các xã trên địa bàn huyện.

## **3. Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể**

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Long An và các tổ chức đoàn thể các cấp tích cực tham gia thực hiện Chương trình./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP nông thôn mới Trung ương;
- BTV.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, SNN, An.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Biểu số 01: CÁC VĂN BẢN TỈNH BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

<b>TT</b>	<b>Loại văn bản</b>	<b>Số, ngày, tháng ban hành</b>	<b>Trích yếu</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>
1	Nghị quyết	46/2017/NQ-HĐND ngày 26/10/2017	V/v bãi bỏ Nghị quyết số 158/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh	HĐND tỉnh
2	Nghị quyết	47/NQ-HĐND ngày 26/10/2017	V/v quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.	HĐND tỉnh
3	Chỉ thị	06/CT-UBND ngày 30/3/2017	Về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến năm 2020	UBND tỉnh
4	Quyết định	484/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	Về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	UBND tỉnh
5	Quyết định	1508/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	Về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Long An	UBND tỉnh
6	Quyết định	1243/QĐ-UBND ngày 07/4/2017	Về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Long An đến năm 2020	UBND tỉnh
7	Quyết định	2524/QĐ-UBND ngày 10/7/2017	Về việc ban hành Quy định đánh giá thực hiện các tiêu chí xã NTM tỉnh Long An.	UBND tỉnh
8	Quyết định	28/2017/QĐ-UBND ngày 12/6/2017	V/v bãi bỏ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh	UBND tỉnh
9	Quyết định	57/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017	V/v bãi bỏ Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh	UBND tỉnh
10	Quyết định	4136/QĐ-UBND ngày 15/11/2017	Về ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Long An	UBND tỉnh
11	Quyết định	1047/QĐ-UBND ngày 23/3/2017	Phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu từ nguồn XSKT năm 2017 để thực chương trình MTQG xây dựng NTM	UBND tỉnh
12	Quyết định	1494/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	Phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2017	UBND tỉnh

<b>TT</b>	<b>Loại văn bản</b>	<b>Số, ngày, tháng ban hành</b>	<b>Trích yếu</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>
13	Quyết định	3611/QĐ-UBND ngày 04/10/2017	Phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2017 (Trung ương giao bổ sung)	UBND tỉnh
14	Công văn	3558/UBND – KT ngày 09/8/2017	Về việc giao nhiệm vụ triển khai Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ	UBND tỉnh
15	Công văn	4113/UBND-KT ngày 13/9/2017	V/v bố trí vốn đối ứng của ngân sách tỉnh và cơ chế phân bổ vốn thực hiện xây dựng nông thôn mới	UBND tỉnh
16	Công văn	4890/UBND-KT ngày 26/10/2017	V/v phân công phụ trách tiêu chí xã NTM và địa bàn triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM	UBND tỉnh
17	Công văn	4946/UBND-KT ngày 31/10/2017	Về việc xây dựng và triển khai kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới	UBND tỉnh

**Biểu số 02: KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017**

*ĐVT: Triệu đồng*

T T	Nội dung đầu tư	Tổng các nguồn vốn	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp của Chương trình				Vốn lồng ghép	Vốn tín dụng	Vốn đầu tư của DN	Vốn cộng đồng và nhân dân góp					
				NS Trung ương			NS tỉnh (Vốn XSKT)				Tổng số	Gồm có:				
				Vốn Khen thưởng	Vốn ĐTPT	Vốn SN						Tiền mặt	Góp đất		Ngày công	
													Thành tiền	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thành tiền	Số công
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.378.031</b>	<b>320.830</b>	<b>48.000</b>	<b>133.430</b>	<b>39.400</b>	<b>100.000</b>	<b>836.175</b>	<b>9.059.011</b>	<b>55.194</b>	<b>106.822</b>	<b>60.624</b>	<b>45.916</b>	<b>111.125</b>	<b>282</b>	<b>1.565</b>
1	Quy hoạch	800								800						
2	Giao thông	739.186	208.012	35.055	96.746		76.211	395.585	1.703	43.552	90.334	50.415	39.680	50.415	240	1.285
3	Môi trường	254.165	24.602	5.770	8.689	2.960	7.183	50.000	174.484		5.079	3.642	1.436			
4	Trường học	296.314	18.809	5.415	9.447		3.947	271.205		6.300						
5	Cơ sở vật chất văn hóa	28.996	19.530	1.000	11.939		6.591	5.496			3.970	2.170	1.800			
6	Điện	550								550						
7	Nhà ở dân cư	638.503							634.511	3.992						
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh	8.257.893	9.580			9.580			8.248.313							
9	Hỗ trợ phổ cập giáo dục	8.400	8.400			8.400										
10	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	8.270	8.270			8.270										
11	Truyền thông, tuyên truyền xây dựng NTM	6.740	6.740			6.740										
12	Thủy lợi	63.277	9.497	462	5.910		3.125	46.341			7.439	4.397	3.000	60.710	42	280

T T	Nội dung đầu tư	Tổng các nguồn vốn	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp của Chương trình				Vốn lồng ghép	Vốn tín dụng	Vốn đầu tư của DN	Vốn cộng đồng và nhân dân góp					
				NS Trung ương			NS tỉnh (Vốn XSKT)				Tổng số	Gồm có:				
				Vốn Khen thưởng	Vốn ĐTPT	Vốn SN						Tiền mặt	Góp đất		Ngày công	
													Thành tiền	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thành tiền	Số công
13	Kinh phí hoạt động của BCD và VPĐP nông thôn mới cấp tỉnh, huyện	2.210	2.210			2.210										
14	Tập huấn xây dựng nông thôn mới	600	600			600										
15	Hỗ trợ trang thiết bị cho Trung tâm VHHTT xã, ấp vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới	560	560			560										
16	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1.546	1.546		546		1.000									
17	Trụ sở xã	36.153	1.815	298	153		1.364	34.338								
18	Kinh phí vận hành trang thông tin điện tử nông thôn mới tỉnh	80	80			80										
19	Đài truyền thanh cấp xã	4.350						4.350								
20	Trạm y tế xã	29.439	579				579	28.860								

**Biểu số 03: KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017**

S T T	Đơn vị	Số tiêu chí đạt bình quân/xã	Số xã đạt tiêu chí																		
			Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hoá	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hoá	Môi trường và An toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh
1	TP. Tân An	16,80	5	5	5	5	4	5	5	5	5	4	5	5	2	5	3	5	1	5	5
2	Huyện Châu Thành	17,75	12	12	12	12	11	12	12	12	12	12	11	12	9	12	12	12	9	5	12
3	Huyện Thủ Thừa	12,42	12	2	12	6	5	5	11	12	12	6	9	11	1	8	7	12	0	6	12
4	Huyện Tân Trụ	15,50	10	10	10	10	9	8	9	10	10	7	7	10	2	9	8	10	3	4	9
5	Huyện Bến Lức	14,00	14	5	14	13	8	7	14	14	9	10	11	13	5	11	5	12	6	12	13
6	Huyện Đức Hòa	14,29	17	8	17	17	4	13	17	17	13	17	17	17	3	17	9	17	1	5	17
7	Huyện Đức Huệ	11,30	10	1	10	10	5	2	4	9	2	2	2	10	2	9	6	9	0	10	10
8	Huyện Thạnh Hóa	13,20	10	2	10	10	6	6	10	10	6	5	7	10	3	8	3	10	1	3	10
9	TX Kiến Tường	14,60	5	1	5	5	4	5	5	5	1	5	2	5	2	5	3	5	0	5	5
10	Huyện Mộc Hóa	10,86	7	0	7	7	1	0	7	7	0	6	2	6	3	1	3	7	0	5	7
11	Huyện Tân Thạnh	12,17	12	1	9	9	5	6	10	9	1	6	2	5	4	6	1	9	2	7	9
12	Huyện Vĩnh Hưng	12,00	9	2	9	9	5	5	8	9	3	5	1	9	6	4	0	9	1	5	9
13	Huyện Tân Hưng	11,91	11	1	11	10	4	4	5	11	7	11	5	7	9	7	2	10	3	5	8
14	Huyện Cần Giuộc	15,88	16	5	15	14	11	11	16	16	13	14	14	16	9	16	15	16	5	16	16
15	Huyện Cần Đước	16,13	16	7	16	16	4	8	13	16	15	16	16	16	14	16	10	16	13	14	16
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>14,00</b>	<b>166</b>	<b>62</b>	<b>162</b>	<b>153</b>	<b>86</b>	<b>97</b>	<b>146</b>	<b>162</b>	<b>109</b>	<b>126</b>	<b>111</b>	<b>152</b>	<b>74</b>	<b>134</b>	<b>87</b>	<b>159</b>	<b>45</b>	<b>107</b>	<b>158</b>



**Biểu 4. TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI CỦA TỈNH NĂM 2018**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	9	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	15,6	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	63	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	41	
6	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	0,3	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế	%	80,9	

**Phụ biểu 4.1: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**  
**Đơn vị: Huyện Vĩnh Hưng**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	13,8	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	2	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	1	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	6,50	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	75,0	

**Phụ biểu 4.2: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**  
**Đơn vị: Huyện Thủ Thừa**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	0	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	14,3	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	6	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	4	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	2,75	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	76,7	

**Phụ biểu 4.3: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

**Đơn vị: Huyện Thanh Hóa**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	15,2	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	3	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	1	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	3,18	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	78,0	

**Phụ biểu 4.4: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

**Đơn vị: Huyện Tân Trụ**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	17,9	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	5	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	3	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	3,05	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	85,0	

**Phụ biểu 4.5: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

**Đơn vị: Huyện Tân Thạnh**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	14,0	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	3	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	2	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	6,09	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	72,9	

**Phụ biểu 4.6: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

**Đơn vị: Huyện Tân Hưng**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	14,0	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	2	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	1	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	3,00	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	85,0	

**Phụ biểu 4.7: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**  
Đơn vị: Thành phố Tân An

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	0	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	19,0	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã		
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	4	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	2,10	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	85,0	

**Phụ biểu 4.8: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**  
Đơn vị: Thị xã Kiến Tường

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	0	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	16,6	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	5	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	3	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	3,98	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	67,0	

**Phụ biểu 4.9: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

**Đơn vị: Huyện Đức Huệ**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	0	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	12,5	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	2	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	0	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	4,00	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	85,0	

**Phụ biểu 4.10: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

**Huyện Đức Hòa**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	14,7	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	11	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	4	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	1,23	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	83,8	

**Phụ biểu 4.11: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

**Đơn vị: Huyện Cần Giuộc**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	0	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	16,7	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	8	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	4	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	2,50	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	80,0	

**Phụ biểu 4.12: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

**Đơn vị: Huyện Cần Đước**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	17,0	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	10	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	3	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	1,66	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	85,0	

**Phụ biểu 4.13: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**  
Đơn vị: Huyện Bến Lức

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	15,5	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	4	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	3	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	2,76	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	82,0	

**Phụ biểu 4.14: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**  
Đơn vị: Huyện Châu Thành

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	1	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	19,0	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	0	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	8	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	1,50	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	90,0	



**Phụ biểu 4.15: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**  
Đơn vị: Huyện Mộc Hóa

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>CHỈ TIÊU NĂM 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã	0	
2	Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt được trên 01 đơn vị xã	tiêu chí	13,1	
3	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	2	
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	0	
5	Số xã đạt chuẩn NTM từ năm 2016 trở về trước không còn nợ tiêu chí NTM	xã	0	
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn	%	4	
7	Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.	%	82,5	

